

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HSPT

Ngày: 07-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Tuấn Khải

Bà Huỳnh Thị Phụng

- Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 113/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn N do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST Ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Bị cáo kháng cáo:

Lê Văn N, tên gọi khác: D, sinh năm: 1973, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D và bà Phùng Thị N; Vợ tên Ngô Thu T (đã ly hôn); Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền sự: Vào ngày 22/9/2018, bị Công an huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xử phạt 7.500.000 đồng về hành vi “Vận chuyển 50 bao thuốc lá điều nhập lậu” (Quyết định số: 140/QĐ-XPVPHC), chấp hành xong ngày 06/12/2018; Tiền án: Không; Bị cáo được tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn V, sinh năm: 1967; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm: 1989; Địa chỉ cư trú: Số 58/5A, đường L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bà Trương Thị T, sinh năm: 1974; Địa chỉ cư trú: Khu phố 5, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bà Trần Thị Băng T, sinh năm: 1964; Địa chỉ cư trú: Số 72/1, đường T, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1937; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn N, sinh năm: 1973, hộ khẩu thường trú: ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là tài xế lái xe ô tô 07 chỗ hiệu ISUZU, biển số 63A-048.69 chở khách dịch vụ. Vào ngày 19/8/2019, N nhận chở 08 người khách đi theo tuyến từ thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đi qua cửa khẩu Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường để sang Casino bên Campuchia. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi quay trở về thành phố Mỹ Tho, N có mua 2.000 bao thuốc lá ngoại với số tiền 31.140.000 đồng của người Campuchia bỏ vào các bịch nilong màu đen, người bán thuê xe ôm (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) chở thuốc ra chỗ N đậu xe ở khu vực ấp O, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Sau đó, N đem các bịch nilong để lên xe ô tô mục đích đem về thành phố Mỹ Tho bán cho các tiệm tạp hóa nhỏ lẻ để kiếm lời. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, khi xe của N đi đến khu phố 5, phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thì bị lực lượng tuần tra phòng chống tội phạm Công an thị xã Kiến Tường kiểm tra và phát hiện xe ô tô do N điều khiển có chứa thuốc lá điều nhập lậu nên tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật phương tiện cùng tang vật.

Tang vật tạm giữ: 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU biển số 63A-048.69, 01 giấy chứng nhận đăng ký số 010074, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm và 01 giấy chứng nhận kiểm định số 8378464; 2.000 bao thuốc lá ngoại trong đó gồm 1.500 bao thuốc lá ngoại hiệu JET, 500 bao thuốc lá ngoại hiệu HERO; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe của Lê Văn N.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 10/2020/HS-ST Ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N (tên gọi khác: Dũng Nhỏ) đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian thi hành án phạt tù được tính từ ngày bắt để thi hành án. Tiếp tục cho bị cáo Lê Văn N tại ngoại.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 17/6/2020, bị cáo Lê Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn N thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã xử, bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” là đúng, không oan. Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo. Bị cáo có cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm có nội dung:

Về tố tụng: Bị cáo Lê Văn N kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự nên Tòa án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo về tội danh và điều luật này là có căn cứ, không oan.

Khi xét xử Tòa án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Bị cáo trình bày bổ sung tình tiết giảm nhẹ hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tình tiết này cấp sơ thẩm đã áp dụng. Xét thấy mức án cấp sơ thẩm áp dụng là tương xứng với hành vi của bị cáo. Bị cáo không có cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm áp dụng nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST Ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Lê Văn N kháng cáo trong thời hạn theo quy định

của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Bị cáo Lê Văn Nghiệp đã bị Công an huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xử phạt 7.500.000 đồng về hành vi “Vận chuyển 50 bao thuốc lá điều nhập lậu” vào ngày 22/9/2018, chấp hành xong ngày 06/12/2018 chưa được xóa thời hiệu tiền sự. Khoảng 18 giờ ngày 19/8/2019 bị cáo sau khi chở khách sang cửa khẩu Campuchia đánh bạc về thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị cáo mua 2.000 bao thuốc lá ngoại với số tiền 3.140.000đ nhằm mục đích về bán lại cho các tiệm tạp hóa để kiếm lời nên bị cáo dùng xe ô tô biển số 63A-048.69 cất giấu 2.000 bao thuốc lá điều nhập lậu trong các túi nilong màu đen để trên sàn xe. Khi bị cáo điều khiển xe đến khu phố 5, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An bị lực lượng tuần tra phòng chống tội phạm Công an thị xã Kiến Tường kiểm tra và phát hiện thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo:

Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như thành khẩn khai báo, bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là tương xứng với hành vi bị cáo gây ra.

Bị cáo kháng cáo có cung cấp hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn tình tiết này cấp sơ thẩm đã áp dụng. Bị cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có 1 tiền sự về hành vi vận chuyển hàng cấm mà không từ bỏ, lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Do đó áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST Ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Bị cáo Lê Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST Ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N (tên gọi khác: D) đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời gian thi hành án phạt tù được tính từ ngày thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- STP tỉnh Long An (1);
- TAND huyện (2);
- VKSND huyện (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Thành